TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 03-3-2022
V/v chia tài sản chung, thừa kế và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh

2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02 và ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 464/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2020 về "*Tranh chấp về chia tài sản chung, thừa kế và đòi lại tài sản*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Nh, sinh năm 1943, cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Tài D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1984, cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm: 1969, cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Chị Nguyễn Thị MinhT (Nguyễn Thị T), sinh năm: 1972, cư trú tại: Khu phố T, tổ 72, phường T, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Chị Nguyễn Thị Đ1, sinh năm: 1973, cư trú tại: 108/40 đường N, thị trấn L, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

4. Anh Trần Anh T, sinh năm 1983

Người đại diện theo ủy quyền của anh T là chị Nguyễn Thị Đ sinh năm: 1984. Theo văn bản ủy quyền ngày 02/4/2021.

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1984, cư trú tại: Thôn 6, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Trần Văn H, sinh năm 1964

3. Ông Đặng Lê Q, sinh năm 1984

Cùng cư trú tại: Thôn 5, xã Đ, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

4. Bà Dương Thị Thu D, sinh năm 1983, cư trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Tài D có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị Minh T, Nguyễn Thị Đ1 và người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02-11-2020; các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Nh trình bày:

Bà và ông Nguyễn Anh P (chết năm 2001) có 04 người con chung là Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Minh T(Tên gọi khác: Nguyễn Thị Thập) và Nguyễn Thị Đ.

Quá trình chung sống bà và ông P được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Sơn Tịnh xét cấp cho thửa đất số 67, tờ bản đồ 30, diện tích 450 m^2 tại thị trấn S, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi nay là phường T, thành phố Quảng Ngãi (*sau đây viết tắt là thửa 67*) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 02200 QSDĐ/ số 1312/ QĐ-UB ngày 31/12/2001 hộ ông Nguyễn Anh P. Năm 2007, thửa 67 được đăng ký biến động điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất từ hộ ông Nguyễn Anh P sang tên bà T, được UBND huyện Sơn Tịnh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: "H"02200 cấp ngày 19/01/2007. Năm 2009, thửa 67 được biến động thành 02 thửa đất: thửa đất số 67, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 270m^2 và thửa đất số 384, tờ bản đồ số 30, diện tích 180m^2 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 67 và thửa đất số 384). Thửa đất số 384 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 160.000.000 đồng. Cho các con mỗi người 5.000.000 đồng còn lại 140.000.000 đồng và tiền bà tiết kiệm được 100.000.000 đồng. Tổng cộng 240.000.000 đồng, số tiền này bà đưa cho Đ để xây dựng ngôi nhà hiện nay.

Năm 2019, chị Đ đã tự ý làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối thửa đất số 67 từ bà Nh tặng cho chị Đ và được chỉnh lý trang 4 đứng tên chị Đ. Vì vậy, con bà là Nguyễn Thị Đ1 đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết và bản án số 16/2019/DS-ST ngày 22/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ1 tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị Nh và bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa đất số 67 vô hiệu. Trên cơ sở bản án trên ngày 30/8/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,2m^2 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cho bà.

Do vậy, tài sản chung của bà và ông Nguyễn Anh P là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,2m^2 (theo đo đạc thực tế 237,2m^2) tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 185). Ông P chết không để lại di chúc. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung và thừa kế tài sản như sau:

- Chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Anh P là quyền sử dụng thửa đất số 185, trị giá theo chứng thư thẩm định giá ngày 20-5-2021 là 891.778.780 đồng, mỗi người được nhận ½ thửa đất có diện tích 119,6m^2 (đo đạc thực tế 118,6m^2).

- Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Anh P là ½ thửa đất số 185, có diện tích 119,6m^2 (đo đạc thực tế 118,6m^2) cho hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm: Bà là Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Minh T (T) và chị Nguyễn Thị Đ1. Cụ thể chia làm 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 19,93m^2 (đo đạc thực 19,76m^2), trong đó bà yêu cầu nhận hai kỷ phần do có công sức tôn tạo, quản lý, trông coi di sản và mỗi người con nhận một kỷ phần. Bà yêu cầu nhận toàn bộ 119,6m^2 (đo đạc thực tế 118,6m^2) đất là di sản của ông P bằng hiện vật và thối lại tiền cho các đồng thừa kế theo giá trị từng kỷ phần mà các đồng thừa kế được nhận.

- Chia tài sản chung của bà và ông Nguyễn Anh P là tài sản gắn liền với thửa đất số 185, tổng giá trị theo chứng thư thẩm định giá ngày 20-5-2021 là 207.901.073 đồng, trong đó gồm: Nhà cấp IVA, nhà tạm (nhà bếp) trị giá 185.563.600 đồng, mái hiên nền xi măng trị giá 12.370.320 đồng; tường rào, cổng ngõ trị giá 9.937.153 đồng và cây trồng trên đất trị giá 30.000 đồng, mỗi người được nhận 103.950.537 đồng.

- Chia di sản thừa kế của ông P là ½ giá trị tài sản gắn liền với thửa đất số 185 gồm: Nhà cấp IVA, nhà tạm, mái hiên, mái tôn, sân bê tông và cây trồng, có giá trị 103.950.537 đồng cho hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm: Bà là Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Minh T (T) và chị Nguyễn Thị Đ, thành 5 kỷ phần bằng nhau. Bà yêu cầu nhận toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất là di sản của ông P bằng hiện vật và thối lại tiền cho các đồng thừa kế theo giá trị từng kỷ phần mà các đồng thừa kế được nhận.

Đối với yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Đ thì bà Nh trình bày như sau: Không có việc vợ chồng chị Đ, anh T góp thêm số tiền 190.000.000 đồng

để làm nhà vì theo tờ giấy chị Đ ghi lại việc thu chi, thể hiện chị Đ bán 3 chỉ vàng và 1 kiềng vàng là tiền cưới của vợ chồng chị Đ để làm nhà. Đồng thời tại thời điểm làm nhà vợ chồng chị Đ rất khó khăn, anh T đi học, chị Đ không có tiền phải mượn tiền của cơ quan chị Đ số tiền 4.500.00 đồng để mua tủ lạnh (tờ giấy này do chị Đ tự viết và bà đã cung cấp cho Tòa án). Nên chị Đ không có số tiền 190.000.000 đồng để góp vào việc xây dựng nhà.

Theo đơn khởi kiện phản tố đề ngày 03/02/2021, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Nguyễn Thị Đ, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho anh Trần Anh T trình bày:

Chị thống nhất theo trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, tài sản chung của bà Nh và ông P là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185. Chị đồng ý chia theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, đối với di sản thừa kế của ông P thì chị không đồng ý chia thêm cho bà Nh một phần công sức vì khi còn sống cha chị vẫn đi lại được không cần người chăm sóc. Còn công sức, giữ gìn quản lý thửa đất thì cha, mẹ và các con cùng sinh sống. Nên chị yêu cầu chia đều cho các hàng thừa kế và chị yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Đối với tài sản gắn liền với thửa đất được xây dựng vào năm 2009 sau khi chuyển nhượng thửa đất 384 là tài sản chung của bà Nh và ông P cho ông Nguyễn Văn H được 160.000.000 đồng, chia cho 4 người con mỗi người 5.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng, bà Nh giao cho vợ chồng chị chịu trách nhiệm xây dựng ngôi nhà hiện nay trên thửa đất số 185, quá trình xây dựng vợ chồng chị có góp thêm số tiền 190.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản gắn liền với đất là 330.000.000 đồng. Do vậy, chị yêu cầu những người được nhận tài sản gắn liền với thửa đất số 185 phải trả lại số tiền 190.000.000 đồng cho chị và anh Trần Anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Chị thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn bà Trương Thị Nh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T trình bày: Các chị thống nhất theo trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, tài sản chung của bà Nh và ông P là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185. Các chị đồng ý chia theo yêu cầu của bà Nh, tuy nhiên đối với di sản thừa kế của ông P các chị yêu cầu chia 05 phần bằng nhau cho các hàng thừa kế và các chị yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Đối với tài sản gắn liền với đất, khi tiến hành xây dựng nhà vào năm 2009, bà Nh chuyển nhượng thửa đất 384 là tài sản chung của bà Nh và ông P được 160.000.000 đồng, cho 4 người con mỗi người 5.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng. Bà Nh giao cho chị Đ và chị Đ đóng góp thêm 190.000.000 đồng để xây dựng ngôi nhà. Nên phần di sản thừa kế của ông P để lại là tài sản gắn liền với thửa đất 185 sẽ được chia thành 5 kỷ phần bằng nhau và đồng ý với yêu cầu phản tố của chị Đ. Đối với phần tài sản mà các chị được nhận thừa kế, các chị giao toàn bộ cho chị Nguyễn Thị Đ toàn quyền quyết định.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trương Thị Nh: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều đúng theo qui định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý, về quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách những người tham gia tố tụng, về thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và tống đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, về thời hạn chuẩn bị xét xử đúng hạn theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 146, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 166, 207, 208, 209, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Nh về chia tài sản chung và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Anh P là thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi và tài sản gắn liền trên đất. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Đ về việc đòi lại tài sản là số tiền vợ chồng chị đã góp vào xây dựng ngôi nhà trên thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi.

Xác định tài sản chung của bà Trương Thị Nh và ông Nguyễn Anh P là thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 diện tích theo đo đạc thực tế là 237,2m^2 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi và một phần tài sản gắn liền trên thửa đất số 185 trị giá 88.208.910 đồng. Chia tài sản chung là nhà và tài sản gắn liền với đất của bà Trương Thị Nh và ông Nguyễn Anh P, mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản trên đất là 44.104.455 đồng và ½ diện tích thửa đất là 118,6m^2.

Xác định di sản thừa kế của ông P để lại là ½ giá trị tài sản trên đất là 44.104.455 đồng và ½ diện tích thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi là 118,6m^2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Phòng gồm các bà: Trương Thị Nh, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Minh T và Nguyễn Thị Đ. Chia di sản thừa kế của ông P là quyền sử dụng đất ½ thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi là 118,6m^2 thành 06 kỷ phần, bà Nh được nhận 02 kỷ phần trong đó có 01 kỷ phần là công sức gìn giữ, tôn tạo thửa đất, các đồng thừa kế còn lại được nhận mỗi người 01 kỷ phần. Chia di sản thừa kế là giá trị tài sản trên thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi của ông P thành 05 kỷ phần, mỗi đồng thừa kế được nhận 01 kỷ phần.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Đ1 và Nguyễn Thị Minh T về việc giao kỷ phần được hưởng cho bà Nguyễn Thị Đ quản lý, sử dụng.

Giao toàn bộ thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi và tài sản trên đất cho bà Trương Thị Nh quản lý, sử dụng, bà Nh phải thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế và thanh toán lại cho vợ chồng bà Đ tương ứng với tỷ lệ mà vợ chồng bà Đ đã góp vào xây nhà với giá trị còn lại theo chứng thư thẩm định giá ngày 20/5/2021.

Về chi phí chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc, thẩm định giá: các đương sự phải chịu tương ứng với phần tài sản mà mình được nhận.

Về phần án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; bà Nguyễn Thị Thanh N và Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được nhận; Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Đ1, chị Nguyễn Thị Minh T và những người làm chứng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự đều thống nhất ông Nguyễn Anh P chết ngày 28/6/2001 (Theo trích lục khai tử số 258/TLKT-BS ngày 29/6/2020 bút lục 32) không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông P gồm có: Bà Trương Thị Nh và 04 người con gồm Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Minh T (Nguyễn Thị T), Nguyễn Thị Đ1 và Nguyễn Thị Đ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Nh yêu cầu chia tài sản chung của bà Nh, ông Nguyễn Anh P và chia di sản thừa kế của ông P là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,2m^2 (đo đạc thực tế 237,2m^2), tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 185). Theo chứng thư thẩm định giá của Công ty TNHH Thẩm định giá Hoàng Quân ngày 20-5-2021, quyền sử dụng thửa đất số 185 diện tích 237,2 m^2 có giá trị 891.778.780 đồng.

[2.2.1] Về nguồn gốc thửa đất: Thửa đất số 185 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho bà Trương Thị Nh trên cơ sở của bản án số 16/2019/DS-ST ngày 22/4/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là bản án số 16) có hiệu lực pháp luật. Tại phần nhận định của bản án số 16 cũng như lời trình bày của các đương sự đều thống nhất thừa nhận bà Nhvà ông P kết hôn và chung sống trước năm 1975, quá trình chung sống ông P có đơn xin cấp đất làm nhà ở và ngày 31/12/2001 Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 30, diện tích 450m^2 tại thị trấn S, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố Liên Hiệp II B, phường T,

thành phố Quảng Ngãi) cho hộ ông Nguyễn Anh P (sau đây viết tắt là thửa 67). Tại thời điểm cấp các con của bà Nh và ông P còn nhỏ không có đóng góp gì. Năm 2009, thửa 67 được biến động thành 02 thửa đất: thửa đất số 67, tờ bản đồ số 30, diện tích đất 270m^2 và thửa đất số 384, tờ bản đồ số 30, diện tích 180m^2 tại phường T, thành phố Quảng Ngãi (sau đây viết tắt là thửa đất số 67 và thửa đất số 384). Thửa đất số 384 được chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 160.000.000 đồng. Năm 2019, bà Trương Thị Nh lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối thửa đất số 67 cho chị Nguyễn Thị Đ và được chỉnh lý trang 4 sang cho chị Đ. Bản án số 16 tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Trương Thị Nh và bà Nguyễn Thị Đ đối với thửa đất số 67 vô hiệu. Xét về nguồn gốc đất, quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1987 và Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, có đủ cơ sở xác định thửa đất số 185 là tài sản chung của ông P và bà Nh.

[2.2.2] Chia tài sản chung: Thửa đất số 185 như đã nhận định tại mục [2.2.1] là tài sản chung của bà Nh và ông P. Nên, bà Nh yêu cầu chia tài sản chung của bà Nh và ông P, mỗi người ½ thửa đất số 185 diện tích 118,6 m^2, giá trị 445.889.390 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2.3] Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Anh P: Ông P chết không để lại di chúc, như nhận định tại mục [2.2.2] di sản của ông P để lại là ½ thửa đất số 185, diện tích 118,6 m^2, có giá trị 445.889.390 đồng được chia cho các hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm: Bà Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Minh T (Nguyễn Thị T), chị Nguyễn Thị Đ1 và chị Nguyễn Thị Đ. Bà Nhẫn yêu cầu chia di sản thừa kế của ông P để lại cho bà và 04 người con thành 6 kỷ phần, bà nhận thêm 1 kỷ phần vì khi còn sống ông P bị tai biến không thể đi lại được, nên bà là người chăm sóc và quản lý thửa đất. Các hàng thừa kế là con của ông P thống nhất chia di sản của ông P để lại, nhưng chị Đ, chị T, chị Đ1 yêu cầu chia di sản thành 5 kỷ phần. Tại phiên tòa chị Đ cho rằng khi còn sống ông P bị tai biến nhưng vẫn đi lại được, thời điểm đó ông P sống cùng với bà Nh, chị T, con của chị T và chị Đ, nên việc chăm sóc cha và quản lý di sản các chị cùng chăm sóc và quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy, các đương sự đều thừa nhận khi còn sống ông P bị bệnh tai biến, thời điểm đó chị T có con nhỏ, không có việc làm ở chung với cha mẹ và tại bút lục 272 chị T trình bày: "*Khi cha tôi còn sống thì mẹ tôi là người chăm sóc nuôi dưỡng. Khi cha tôi chết mẹ tôi cũng là người lo chi phí mai táng*"; chị Đ lúc đó đang đi học. Đồng thời, sau khi ông P chết, bà Nh là người thờ cúng ông P. Do vậy việc bà Nh yêu cầu tính công sức vì bà có công chăm sóc và thờ cúng ông P tương đương với 1 kỷ phần là phù hợp. Vì vậy, di sản của ông P để lại được chia thành 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần được hưởng 19,766m^2 có giá trị 74.314.898 đồng. Bà Nh yêu cầu được nhận toàn bộ di sản của ông P và thanh toán lại giá trị từng kỷ phần cho các đồng thừa kế. Chị Đ1, chị T có đơn yêu cầu giao toàn bộ kỷ phần các chị được nhận cho chị Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng, nên ghi nhận sự tự nguyện này của hai chị. Như vậy, tổng cộng chị Đ được nhận 3 kỷ phần và chị Đ yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Xét thấy, hiện nay bà Nh đang sinh sống trên đất, các chị Đ1, chị T hiện nay ở xa, đã có gia đình riêng, tại phiên tòa chị Đ trình

bày chị không sinh sống với bà Nh từ năm 2015, chị đã có nhà riêng do vợ chồng chị mua. Phần tài sản chung và phần thừa kế của bà Nh được nhận chiếm phần lớn và đây cũng là tài sản chung của bà Nh, ông P nên Hội đồng xét xử giao toàn bộ di sản của ông P để lại cho bà Nh và bà Nh có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị mỗi kỷ phần là 74.314.898đồng cho các đồng thừa kế là phù hợp.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Nh yêu cầu chia tài sản chung của bà Nh, ông Nguyễn Anh P và chia di sản thừa kế của ông P là tài sản gắn liền với thửa đất số 185. Theo chứng thư thẩm định giá ngày 20-5-2021 tài sản gắn liền với thửa đất số 185 có giá trị 207.901.073 đồng, trong đó gồm: Nhà cấp IVA, nhà tạm (nhà bếp) trị giá 185.563.600 đồng, mái hiên nền xi măng trị giá 12.370.320 đồng; tường rào, cổng ngõ trị giá 9.937.153 đồng và cây trồng trên đất trị giá 30.000 đồng. Đồng thời xét yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Đ yêu cầu người nào nhận tài sản gắn liền với đất trả lại cho vợ chồng chị Đ và anh Trần anh T số tiền 190.000.000 đồng, anh chị đã đóng góp xây dựng tài sản trên thửa đất số 185 vào năm 2009. Hội đồng xét xử nhận định:

[2.3.1] Về nguồn gốc hình thành tài sản trên thửa đất số 185:

[2.3.1.1] Các đương sự đều thống nhất tài sản gắn liền với thửa đất số 185 được xây dựng vào năm 2009 và từ đó đến nay vẫn giữ nguyên. Năm 2009, bà Nh chuyển nhượng thửa đất số 384 là tài sản chung của bà Nh, ông P cho ông Nguyễn Văn H với số tiền 160.000.000 đồng, bà Nh cho 4 người con mỗi người 5.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng để xây dựng nhà. Việc xây dựng nhà thời điểm đó các chị T, Đ1 và N ở xa, bà Nh giao toàn bộ số tiền 140.000.000đồng cho chị Đ chịu trách nhiệm, toàn quyền quyết định việc xây dựng nhà. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần chứng minh.

[2.3.1.2] Bà Nh trình bày ngoài số tiền 140.000.000đồng vợ chồng bà còn tiền tiết kiệm được tiền và vàng được 100.000.000đồng. Tổng cộng là 240.000.000 đồng, bà Nh đưa cho chị Đ để xây dựng ngôi nhà, công trình khác như hiện nay. Nên giá trị tài sản trên đất đều là tài sản chung của vợ chồng bà Nh và ông P. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà Nh thừa nhận chị Đ có mượn chị D số tiền 7.000.000 đồng và bán 3 chỉ vàng, 01 vòng kiềng để góp vào xây dựng nhà, chứ không phải góp số tiền 190.000.000 đồng như chị Đ trình bày, vì vợ chồng chị Đ thời điểm đó khó khăn, không có tiền để góp vào số tiền lớn như thế. Chị Nguyễn Thị Đ có đơn phản tố trình bày ngoài số tiền 140.000.000 đồng, vợ chồng chị đóng góp thêm 190.000.000 đồng để xây dựng nhà, tổng cộng giá trị xây dựng nhà và công trình khác là: 330.000.000 đồng. Vì thời điểm đó giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185 (trước đây là thửa đất 67) được tặng cho đứng tên của chị, nên vợ chồng chị thế chấp vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương- chi nhánh Sơn Tịnh số tiền 80.000.000 đồng; mượn tiền của anh Q, anh V, ông H mỗi người 30.000.000 đồng; mượn chị D số tiền 7.000.000 đồng và bán vàng với số tiền 13.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nh trình bày có đưa thêm cho chị Đ 100.000.000 đồng nhưng chị Đ không thừa nhận và bà Nh cũng không cung cấp chứng cứ, chứng minh cho trình bày của mình và bà thừa nhận giao cho chị

Đ chịu trách nhiệm quản lý việc xây dựng nhà, cũng không yêu cầu chị Đ phải báo lại tiến bộ cũng như số tiền xây dựng. Theo hợp đồng cho vay bán lẻ do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Ngãi cung cấp (bút lục 408), thể hiện ngày 29/9/2009 Phòng giao dịch Sơn Tịnh- Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Quảng Ngãi cho chị Nguyễn Thị Đ vay với số tiền 80.000.000 đồng, mục đích sử dụng: Xây dựng nhà theo giấy phép xây dựng số 71/GPXD do Ủy ban nhân dân huyện Sơn Tịnh cấp ngày 11/9/2009, tài sản đảm bảo cho khoản vay là thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67 (thời điểm đó bà Nh tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67 cho chị Đ). Theo giấy xác nhận của các ông, anh, chị H, Q, V và D thể hiện năm 2009 có cho chị Đ và anh T mượn tiền để làm nhà. Như vậy, tại thời điểm xây dựng ngôi nhà quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67 đứng tên chị Nguyễn Thị Đ, chị Đ vay tiền để xây dựng nhà là phù hợp với trình bày của nguyên đơn về việc giao toàn bộ việc xây dựng ngôi nhà cho vợ chồng chị Đ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Đ1 cũng thừa nhận việc chị Đ có góp thêm số tiền 190.000.000 đồng vào việc xây dựng nhà. Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định vào năm 2009, chị Đ và anh T có đóng góp thêm số tiền 190.000.000 đồng để xây dựng nhà và các công trình khác trên thửa đất số 185.

[2.3.1.3] Trên cơ sở nhận định mục [2.3.1.1] và [2.3.1.2] số tiền xây dựng nhà và công trình khác gắn liền với đất là 330.000.000 đồng. Tài sản chung của bà Nh và ông P 140.000.000 đồng tương ứng với tỷ lệ góp 42,42% và vợ chồng chị Đ, anh T 190.000.0000 đồng tương ứng với tỷ lệ góp 57.58%. Giá trị tài sản gắn liền với thửa đất số 185, theo chứng thư thẩm định giá ngày 20-5-2021 là 207.901.073 đồng. Nên, tài sản chung của bà Nh, ông P là 88.191.635đồng và của chị Đ, anh T là 119.709.438đồng.

[2.3.2] Chia tài sản chung: Tài sản gắn liền với thửa đất số 185 như đã nhận định tại mục [2.3.1.3] là tài sản chung của bà Nh và ông P có giá trị 88.191.635đồng, nên mỗi người được ½ có giá trị 44.095.817đồng

[2.3.3] Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Anh P: Như đã nhận định tại mục [2.3.2] di sản của ông P để lại là tài sản gắn liền với thửa đất số 185 có giá trị 44.095.817đồng được chia cho hàng thừa kế của ông P gồm bà Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Minh T (Nguyễn Thị T), chị Nguyễn Thị Đ1 và chị Nguyễn Thị Đ, thành 5 kỷ phần, mỗi kỷ phần thừa kế có giá trị: 8.819.163 đồng. Và theo nhận định tại mục [2.2.3] giao toàn bộ di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Phòng để lại cho bà Nh, nên giao toàn bộ di sản thừa kế của ông P là tài sản gắn liền với thửa đất số 185 cho bà Nh, bà Nh có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị mỗi kỷ phần là 8.819.163 đồng cho các đồng thừa kế. Chị Đ1, chị T có đơn yêu cầu giao toàn bộ kỷ phần các chị được nhận cho chị Đ được toàn quyền quyết định, nên ghi nhận sự tự nguyện này của hai chị. Bà Nh phải thanh toán cho chị N số tiền 8.819.163 đồng và chị Đ số tiền 26.457.489 đồng.

[2.3.4] Như nhận định tại mục [2.3.1.3] xác định số tiền chị Đ, anh T đóng góp thêm để xây dựng nhà với giá trị hiện còn lại theo tỷ lệ đóng góp là

119.709.438đồng. Theo nhận định tại mục [2.3.2] và [2.3.3] bà Nh được nhận toàn bộ giá trị tài sản gắn liền với đất nên bà Nh có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Đ và anh T số tiền 119.709.438 đồng. Không chấp nhận với yêu cầu của chị Đ buộc bà Nh trả số tiền 70.290.562 đồng cho chị Đ và anh T.

[3] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc đất tranh chấp là 3.500.000 đồng, chi phí thẩm định giá là 6.500.000 đồng, tổng cộng là 12.000.000 đồng. Các đương sự phải chịu theo phần được chia như sau: Bà Nh phải chịu 8.000.000đồng; chị Nh phải chịu 1.000.000đồng; chị Đ phải chịu 3.000.000đồng. Nguyên đơn bà Nh đã nộp tạm ứng đủ và chi xong. Nên, buộc chị Nh phải thanh toán lại cho bà Nh số tiền 1.000.000đồng; chị Đ phải thanh toán lại cho bà Nh số tiền 3.000.000đồng.

[4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn bà Trương Thị Nh là người cao tuổi, có đơn xin miễn tiền án phí, thuộc trường hợp miễn tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội nên miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Nh.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được nhận là 12.470.109đồng [(222.944.695đồng + 26.457.489đồng) x 5%] và phải chịu án phí đối với khoản yêu cầu không chấp nhận là 3.514.528đồng (70.290.562 x 5%). Tổng cộng chị Đ phải chịu 15.984.637đồng, khấu trừ 4.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp, chị Đ còn phải chịu 11.234.637đồng

Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần được nhận là 4.156.703đồng [(74.314.898đồng + 8.819.163đồng) x 5%]

[5] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi về thủ tục tố tụng và nội dung là phù hợp với nhận định đã nêu của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 146, 147, 157, 158, 165, 166, 227, 228, 229, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 166, 207, 208, 209, 213, 219, 609, 611,612, 613, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Nh về tranh chấp chia tài sản chung và thừa kế tài sản.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bị đơn chị Nguyễn Thị Đ về tranh chấp đòi lại tài sản.

3. Xác định tài sản chung của bà Trương Thị Nh và ông Nguyễn Anh P là quyền sử dụng đất và một phần tài sản gắn liền với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,2m^2 (theo đo đạc thực tế 237,2m^2) tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có giá trị 88.191.635đồng.

Chia tài sản chung của bà Trương Thị Nh và ông Nguyễn Anh P mỗi người được nhận ½ giá trị tài sản gắn liền với đất là 44.095.817 đồng và ½ thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 118,6m^2.

4. Xác định di sản thừa kế của ông Nguyễn Anh P để lại là ½ giá trị tài sản gắn liền với đất là 44.095.817 đồng và ½ thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có diện tích 118,6m^2 được chia theo pháp luật.

4.1. Hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Nguyễn Anh P gồm bà Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thanh N, chị Nguyễn Thị Minh T (Nguyễn Thị T), chị Nguyễn Thị Đ1 và chị Nguyễn Thị Đ.

4.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Minh T và chị Nguyễn Thị Đ1 giao kỷ phần được nhận cho chị Nguyễn Thị Đ.

4.3. Di sản của ông Nguyễn Anh P để lại là ½ giá trị tài sản gắn liền đất là 44.095.817đồng, được chia làm 5 kỷ phần, mỗi kỷ phần có giá trị 8.819.163đồng. Bà Trương Thị Nh, chị Nguyễn Thị Thanh Nmỗi người được nhận 1 kỷ phần có giá trị 8.819.163đồng và chị Đ được nhận 3 kỷ phần với giá trị 26.457.489đồng.

4.4. Di sản của ông Nguyễn Anh P để lại là ½ thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi diện tích 118,6m^2, có giá trị 445.889.390 đồng, được chia thành 6 kỷ phần, mỗi kỷ phần diện tích 19,766m^2 có giá trị 74.314.898 đồng. Bà Trương Thị Nh được nhận 2 kỷ có giá trị 148.629.796 đồng, chị Nguyễn Thị Thanh N được nhận 1 kỷ phần có giá trị 74.314.898 đồng và chị Đ được nhận 3 kỷ phần với giá trị 222.944.694 đồng.

5. Xác định một phần tài sản gắn liền với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, diện tích 239,2m^2 (theo đo đạc thực tế 237,2m^2) tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi có giá trị 119.709.438đồng là của chị Nguyễn Thị Đ và anh Trần Anh T đóng góp.

6. Giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 185, tờ bản đồ số 38, tại phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trương Thị Nh quản lý, sử dụng và sở hữu. Bà Trương Thị Nh có nghĩa vụ thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Thanh N giá trị 1 kỷ phần là 83.134.061đồng, thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Đ giá trị 3 kỷ phần là 249.402.183 đồng và thanh toán lại cho chị Nguyễn Thị Đvà anh Trần Anh T phần giá trị tài sản gắn liền với đất theo tỷ lệ đóng góp là 119.709.438đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá là 12.000.000 đồng. Bà Trương Thị Nh phải chịu 8.000.000đồng; chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 1.000.000đồng; chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 3.000.000đồng. Nguyên đơn bà Trương Thị Nh đã nộp tạm ứng đủ và chi xong. Nên, buộc chị Nguyễn Thị Thanh N phải thanh toán lại cho bà Trương Thị Nh số tiền 1.000.000đồng; chị Nguyễn Thị Đ phải thanh toán lại cho bà Trương Thị Nh số tiền 3.000.000đồng.

8. Án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trương Thị Nh.

Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 15.984.637đồng, khấu trừ 4.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0006964 ngày 14-4-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Chị Nguyễn Thị Đ còn phải nộp 11.234.637đồng

Chị Nguyễn Thị Thanh N phải chịu 4.156.703đồng án phí dân sự sơ thẩm

9. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong.

10. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Đ có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án có lý do chính đáng và đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Như